

Dàn ý hình ảnh người phụ nữ xưa qua bài Tự tình và Thương vợ

Hướng dẫn lập dàn ý phân tích hình ảnh người phụ nữ xưa qua hai bài thơ Tự tình II của Hồ Xuân Hương và Thương vợ của Trần Tế Xương

Dàn ý phân tích hình ảnh người phụ nữ Việt Nam qua 'Tự tình II' và 'Thương vợ'

I. Mở bài

- Giới thiệu tác giả Hồ Xuân Hương và Trần Tế Xương

+ Hồ Xuân Hương (? - ?), là nhà thơ nữ sống vào khoảng cuối thế kỉ XVIII đầu thế kỉ XIX.

+ Trần Tế Xương (1870 - 1907), là nhà thơ trào phúng sống vào khoảng cuối thế kỉ XIX.

- Giới thiệu hai bài thơ *Tự tình II* và bài thơ *Thương vợ*

+ *Tự tình II* nằm trong chùm thơ **Tự tình** gồm có ba bài, bài thơ là nỗi sầu oán, đau đớn của người phụ nữ truân chuyên.

+ *Thương vợ* là bài thơ hay và cảm động mà Tú Xương viết về vợ mình. Bài thơ thể hiện tình cảm yêu thương, quý trọng của Tú Xương dành cho người vợ tào khàng của mình.

- Dẫn dắt vấn đề

+ Giới thiệu về hình ảnh người phụ nữ trong văn học nói chung

+ Cảm hứng về người phụ nữ trong thơ Hồ Xuân Hương và Trần Tế Xương

II. Thân bài

* Hoàn cảnh lịch sử khi ra đời và nội dung cơ bản của hai bài thơ

* Vẻ đẹp của người phụ nữ xưa chịu nhiều khổ cực

- Trong "*Thương vợ*": bà Tú hằng ngày vất vả ngược xuôi buôn bán nuôi chồng, nuôi con, một nắng hai sương vì miếng cơm cho cả nhà.

- Trong "*Tự tình II*": một người phụ nữ "hồng nhan bạc phận", chịu nhiều tổn thương, thiệt thòi, cuộc đời cô độc, tình duyên lận đận.

* Người phụ nữ với khao khát được yêu thương và mưu cầu hạnh phúc cùng nhiều phẩm chất tốt đẹp

Dàn ý hình ảnh người phụ nữ xưa qua bài *Tự tình* và *Thương vợ*

- Trong “*Tự tình II*”: người phụ nữ có niềm khao khát mạnh mẽ là được yêu thương
- Trong “*Thương vợ*”: người phụ nữ - một người vợ, người mẹ tần tảo, nhân hậu và chịu thương chịu khó, không ngại khó khăn hi sinh vất vả vì chồng vì con

III. Kết bài

- Hai bài thơ là những hình ảnh của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến: luôn chịu những bất công, gian khổ.
- Niềm cảm thông của người viết với người phụ nữ xưa
- Gợi mở vấn đề: Mọi người nên yêu thương những người mẹ, người vợ của mình và cảm thấy may mắn cùng yêu thương cuộc sống này hơn.

Bài văn mẫu tham khảo

“Thân em như củ ấu gai

Ruột trong thì trắng vỏ ngoài thì đen

Ai ơi ném thử mà xem

Ném ra mới biết rằng em ngọt bùi”

Đã từ lâu, hình ảnh người phụ nữ Việt Nam xưa đã xuất hiện nhiều qua những câu ca dao với những vẻ đẹp, hình tượng khác nhau. Nhưng ở họ đều có chung đức tính truyền thống đẹp đẽ mà dân tộc Việt Nam đã tích lũy được qua hàng ngàn năm lao động và đấu tranh. Hình ảnh đó cũng được thể hiện rất tài tình qua hai bài thơ *Tự tình II* của Hồ Xuân Hương và *Thương vợ* của Trần Tế Xương.

Hình ảnh đầu tiên của người phụ nữ Việt Nam được thể hiện qua hai bài thơ đó là hình tượng người phụ nữ Việt Nam chịu nhiều đau khổ, vất vả trong cuộc sống. Đó là hình ảnh bà Tú vất vả, gian truân kiếm sống, tất bật ngược xuôi “*Quanh năm buôn bán ở mom sông*”. Câu thơ đã nói lên một hoàn cảnh làm ăn vất vả, lam lũ của bà. Ở đây, bà Tú làm việc vất vả suốt cả năm, không kể mưa nắng trên mom sông - cái doi đất nhô ra đầy nguy hiểm. Thậm chí nỗi vất vả, gian truân của vợ, Tú Xương đã mượn hình ảnh con cò trong ca dao để nói về bà Tú. Có điều hình ảnh con cò trong ca dao đầy tội nghiệp mà hình ảnh con cò trong thơ Tú Xương còn tội nghiệp hơn. Con cò trong thơ không chỉ xuất hiện trong cái rợn ngợp của không gian mà còn là rợn ngợp của thời gian. Hình ảnh thân cò như một sự sáng tạo: “*Lặn lội thân cò khi quãng vắng*” đưa từ lặn lội lên đầu câu,

Dàn ý hình ảnh người phụ nữ xưa qua bài *Tự tình* và *Thương vợ*

thay con cò bằng thân cò cũng làm tăng thêm nỗi vất vả, gian truân của bà Tú, càng khơi dậy cả nỗi đau thân phận sâu sắc, thấm thía hơn.

“Eo sèo mặt nước buổi đò đông”

Câu thơ gợi nên một sự chen chúc, bươn chải trên sông nước của những người buôn bán nhỏ, sự cạnh tranh đến mức sát phạt nhau nhưng cũng không thiếu lời qua tiếng lại. Buổi đò đông đâu phải là ít lo âu, nguy hiểm hơn khi quăng văng mà đó còn là sự chen lấn, xô đẩy chứa đầy bất trắc, nguy hiểm. Những câu thơ đã làm nổi rõ lên những vất vả, cực nhọc mà bà Tú và người phụ nữ Việt Nam xưa phải chịu đựng, trải qua.

Còn với bài thơ *Tự Tình II* của Hồ Xuân Hương thì đó là sự khổ đau vì không làm chủ được số phận của mình:

“Đêm khuya văng vẳng trống canh dồn

Trơ cái hồng nhan với nước non.”

Mở đầu là một âm thanh vang vọng, đầy hồi hã: trống canh dồn. Nhưng dù mãnh liệt đến mấy, tiếng trống cũng chỉ là âm thanh duy nhất trong đêm vắng, nếu không có nó thì đêm khuya sẽ trở nên vô cùng vắng lặng. Cái động đã được sử dụng để tôn lên cái tĩnh, cái cô độc, trống trải của đêm khuya. Nửa đêm là thời gian sum họp của vợ chồng, là thời điểm hạnh phúc lứa đôi, ấy vậy mà lại có người phụ nữ tỉnh dậy vào đúng thời khắc thiêng liêng ấy, hay vì cả đêm người phụ nữ đã không ngủ được vì thiếu vắng một điều gì đó, vì tâm trạng đang mang nặng một nỗi đau? Tiếng trống canh âm vang từ xa vọng lại như đang thúc giục thời gian qua mau, gọi đến một điều đáng sợ đối với một người đàn bà vẫn còn thân đơn gối chiếc: đó là tuổi già. Tuổi già càng đến gần nghĩa là hi vọng càng tuột xa, mọi mong mỏi, khát khao càng trở nên vô vọng. Tiếng trống dồn dập cứ xoáy sâu vào tâm con người phụ nữ, nó âm vang trong tâm tưởng, âm vang trong suy nghĩ không tài nào dứt được. Dồn dập, hồi hã, tiếng trống không chỉ bao trùm lên không gian mà còn lên cả thời gian nữa, và tự hỏi: đây có thật là tiếng trống hiện hữu trong thực tại hay phải chăng đó là tiếng trống cất lên từ tiếng lòng thổn thức của tác giả, tiếng trống ám ảnh về một bi kịch đang ngày càng đến gần hơn với bà:

“Trơ cái hồng nhan với nước non”

Khi thời gian cứ lướt qua càng lúc càng dồn dập thì cũng là lúc “hồng nhan” ngày một trơ ra với đời. “Hồng nhan” chính là nhan sắc, gương mặt xinh đẹp của người phụ nữ. Đó là điều mà bất cứ người phụ nữ nào cũng hết sức tự hào, coi trọng, nâng niu. Nhưng từ “cái” gắn liền với “hồng nhan” như một hòn đá kéo nặng cả câu thơ xuống. “Hồng nhan” để làm gì khi nửa đêm phải tỉnh giấc trong cái trống trải, lặng lẽ đến đáng cay? “Hồng nhan” để làm gì khi nó đâu phải là vĩnh cửu mà sẽ nhanh chóng vỡ tan theo từng nhịp trống dồn. Câu thơ như lời đay nghiến, mỉa mai chính bản thân mình, đáng thương cho

Dàn ý hình ảnh người phụ nữ xưa qua bài Tự tình và Thương vợ

những người phụ nữ đương thời bị đè nén, áp bức với những thủ tục phong kiến đến mức xơ xác, héo mòn cả một phận hồng nhan. Đó còn là nỗi đau vì cô quạnh, thiếu vắng hạnh phúc lứa đôi, không người yêu thương, thông cảm.

“Chén rượu hương đưa say lại tỉnh

Vàng trăng bóng xế khuyết chưa tròn”

Hai câu thơ vẽ nên một khung cảnh rất thật và cũng chứa chan bao nỗi niềm tác giả. Một người phụ nữ mà phải ngồi uống rượu một mình, cô đơn với đêm khuya, với vàng trăng lạnh. Câu thơ là ngoại cảnh mà cũng là tâm cảnh, tạo nên sự đồng nhất giữa trăng với người. Khi muốn quên sầu là lúc người ta ở trong tâm trạng cay đắng nhất, khi xung quanh không có ai để có thể chia sẻ nỗi niềm và ta chỉ còn biết quên đi nỗi niềm trong men rượu một mình. Nhưng liệu chén rượu có thể làm quên đi bao nỗi cô đơn, tủi nhục trong lòng hay Hồ Xuân Hương uống rượu mà như uống đi bao giọt sầu mà người uống chẳng đồ đi được khi mà có thể lặng lẽ, âm thầm nuốt vào cổ họng, để đau khổ cũng chẳng mất đi đâu mà trở lại chính trong tâm trí mình. Ở đây cảnh tình Xuân Hương được thể hiện chứa đựng bi kịch. Tuổi xuân đã trôi qua mà nhân duyên không được trọn vẹn. Trăng vốn là biểu tượng của hạnh phúc, là hình ảnh đại diện cho ước mơ và hi vọng. Nhưng hạnh phúc của Hồ Xuân Hương lại xót xa đến mức “khuyết chưa tròn” - một hạnh phúc không hề trọn vẹn, một cuộc đời còn dang dở, éo le với những trắc trở trong tình duyên. Hạnh phúc của bà chỉ như vàng trăng khuyết mà bà không thể biết trước ngày mai trăng sẽ khuyết tiếp hay tròn. Ánh trăng sáng mà lạnh lẽo vô cùng khi ẩn hiện trong đó một nỗi cô đơn, trống vắng. Và bóng xế đi kèm với trăng lại gợi nên một nỗi niềm trong lòng tác giả: nỗi lo sợ trước tuổi xuân đang mất đi. Trăng đã xế mà vẫn khuyết chưa tròn, giống như tuổi xuân của Xuân Hương đang mất đi mà tình duyên chưa được trọn vẹn. Hình ảnh mặt trăng là hình ảnh ẩn dụ vô cùng độc đáo và đặc sắc, miêu tả chính xác và vô cùng sinh động ngoại cảnh mà cũng bộ lộ được tâm cảnh, những suy nghĩ, tâm tư đang hiện hữu trong bà.

Nhưng dù có vất vả, đau xót, chán chường đến mức nào, thì người phụ nữ Việt Nam xưa vẫn là những con người có những phẩm chất đẹp đẽ, không chỉ ở vẻ bề ngoài mà còn là ở tình yêu thương, lòng nhân hậu, một lòng, một dạ vì chồng, vì con:

“Nuôi đủ năm con với một chồng”

Câu thơ là gánh nặng gia đình đặt lên vai bà Tú, vất vả quanh năm chẳng nề hà như vậy là để nuôi cả nhà. Đông con, nuôi lũ con đông ấy đã đành, bà còn phải nuôi chồng. Năm con với một chồng là sáu người. Một phải gánh sáu, thế là nặng, phải gánh và gánh được, thế là đảm đang. Nhưng nuôi đủ vẫn hiểu là vừa đủ, vừa đủ nuôi, không thiếu nhưng cũng chẳng thừa. Vất vả quanh năm đến vậy mà cũng chỉ vừa đủ nuôi chồng, nuôi con, vậy mới thật là vất vả, đã gắng hết sức rồi. Vậy mới thật là đảm, nặng đến thế mà cũng gánh xong, khó thế mà cũng chu toàn. Câu thơ thể hiện sự vất vả, gian lao đức tính

Dàn ý hình ảnh người phụ nữ xưa qua bài *Tự tình và Thương vợ*

chịu thương, chịu khó, hết lòng vì chồng, vì con của bà Tú nói riêng và của người phụ nữ Việt Nam nói chung.

Còn với *Tự Tình II*, dù đón đau đến mức nào thì trong sâu thẳm trái tim bà, dù yếu ớt đến đâu cũng loé lên ánh lửa khát khao, hi vọng, không chịu khuất phục mà muốn vùng lên đấu tranh thay đổi cuộc sống của mình:

“Xiên ngang mặt đất, rêu từng đám

Đâm toạc chân mây, đá mấy hòn.”

Một hình tượng thiên nhiên dữ dội, đầy cự động như tính cách buồng bình, không chịu khuất phục điều gì của chính tác giả vậy. Ở đây, Hồ Xuân Hương, sự buồn tủi bao giờ cũng gọi nên những phản ứng tích cực, bà không buông xuôi, đầu hàng mà luôn cố gắng tìm cách thay đổi vận mệnh, cho dù những cố gắng đó mới chỉ dừng lại trong suy nghĩ. Hai câu thơ tưởng như chỉ miêu tả cảnh vật xung quanh, nhưng chính những đặc điểm của cảnh vật đó đã được dùng để bộc lộ tâm trạng của con người. Hàng loạt những động từ mạnh đầy sắc thái biểu cảm như xiên, đâm được đảo lên đầu câu. Những sinh vật bé nhỏ, hèn mọn, còn hèn mọn hơn cả “nội cỏ hoa hèn” như đám rêu kia mà cũng không chịu mềm yếu. Nó phải mọc xiên, mà là “xiên ngang mặt đất”. Đá đã rắn chắc lại phải rắn chắc hơn, nó phải “đâm toạc chân mây”. Biện pháp nghệ thuật đảo ngữ trong hai câu đã làm nổi bật sự phẫn uất của thân phận đất đá, cỏ cây mà cũng là sự phẫn uất của tâm trạng. Chỉ những cảnh vật bình thường không có gì đặc biệt như rêu và đá, nhưng qua cách nhìn đầy bất mãn, ám ức của tác giả, chúng trở nên vô cùng sống động. Cự động, nổi loạn, phá phách, muốn đập tan những gì gò bó để được tự do vùng vẫy giữa đất trời, thiên nhiên hoà hợp với con người, đặc điểm thiên nhiên cũng chính là nổi niềm nhân vật. Và ta cũng thấy được tâm trạng của Hồ Xuân Hương phẫn uất trước những tục lệ phong kiến, cũng như những số phận hẩm hiu đang tàn nhẫn ra tay bóp chết hạnh phúc của bà; những uất hận ấy bị đè nén, gò ép trong lòng bà đến mức không chịu nổi chỉ chực vỡ oà ra, bà khao khát muốn đập tung tất cả, muốn đập đổ mọi thứ, muốn tự do biết nhường nào. Nhưng dù sao, bà cũng chỉ là một người phụ nữ phong kiến, một thân phận nữ nhi cô độc, dù phá phách, dù nổi loạn đến đâu thì cũng chỉ trong giới hạn ngôn từ. Bà không thể làm gì hơn được nữa..... Mặc dù vậy, ta phải công nhận đây là một cách suy nghĩ vô cùng mới mẻ, một tư tưởng đi trước thời đại, một tính cách hoàn toàn khác biệt so với người phụ nữ lúc bấy giờ. Đó là một bản lĩnh, một cá tính Xuân Hương đáng trân trọng:

“Ngán nỗi xuân đi xuân lại lại

Mảnh tình san sẻ tí con con”

Ngán là chán ngán, là ngán ngẩm. Hồ Xuân Hương ngán lắm rồi nỗi đời éo le, bạc bẽo. Xuân đi rồi xuân lại, tạo hoá chơi một vòng luân quần. Từ *xuân* mang hai nghĩa, vừa

Dàn ý hình ảnh người phụ nữ xưa qua bài Tự tình và Thương vợ

là mùa xuân, vừa là tuổi xuân. Mùa xuân đi rồi, mùa xuân trở lại với thiên nhiên, với muôn nghìn hoa cỏ, lá cây, nhưng với con người tuổi xuân qua là không bao giờ trở lại. Hai từ “lại” trong cụm từ “xuân đi xuân lại lại” mang hai ý nghĩa khác nhau. Từ lại thứ nhất nghĩa là thêm lần nữa, từ lại thứ hai nghĩa là trở lại. Sự trở lại của mùa xuân lại đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân. Nghệ thuật tăng tiến làm cho nghịch cảnh càng éo le hơn: *Mảnh tình san sẻ tí con con*. Mảnh tình đã bé lại còn san sẻ ra thành ít ỏi, chỉ còn tí con con nên càng xót xa, tội nghiệp. Câu thơ được viết ra có thể là tâm trạng của người mang thân đi làm lẽ. Đau xót biết mấy, khi mảnh tình là một thứ được chia năm xẻ bảy, nhận được duy nhất một mảnh tí con con. Hạnh phúc của bà chẳng những không trọn vẹn mà còn nhỏ bé, ít ỏi đến mức độ tội nghiệp. Tình duyên như thế có để làm gì, chỉ càng thêm tủi nhục, đắng cay. Cách dùng từ giản đơn mà vẫn vô cùng độc đáo đã cực tả nỗi niềm của tác giả. Hồ Xuân Hương ngang tàng, thách thức đầy nổi loạn trên là thế, nhưng cuối cùng tất cả vẫn chỉ chìm vào vô vọng trong sự bất lực tột cùng và chán chường, mệt mỏi. Những cố gắng vùng vẫy của bà chỉ là vô ích, bởi phận của bà vốn đã là một bi kịch và mãi mãi chỉ là bi kịch mà thôi. Có lẽ trong giờ phút ấy, bà đã muốn buông xuôi, muốn bỏ mặc cho tất cả số phận đưa đẩy, bà đã mất hết hi vọng.

Liệu Hồ Xuân Hương có thể vượt qua tất cả để trở lại là một người phụ nữ yêu đời mạnh mẽ, không sợ gì cả như ngày nào? Đó vẫn là câu hỏi còn dở dang của người phụ nữ đem thân đi làm lẽ, phận người mà hạnh phúc không bao giờ trọn vẹn mà chỉ nhỏ nhoi như mảnh gương vỡ. Câu thơ diễn đạt sâu sắc đỉnh điểm, bi kịch của Hồ Xuân Hương và cũng là của người phụ nữ thời bấy giờ.

Đó là những hiện thân cho những khổ đau của con người trong xã hội xưa, đồng thời là kết tinh của những đức tính tốt đẹp của người phụ nữ Việt Nam qua hàng thế kỉ. Trong cả hai bài thơ là hình tượng người phụ nữ Việt Nam chịu nhiều đau đớn, tủi cực dưới chế độ phong kiến nhưng ở họ toát lên sự đấu tranh mạnh mẽ, vượt lên số phận để làm tốt bổn phận của một người phụ nữ trong gia đình, một người phụ nữ dám vượt lên trên đớn đau để tìm hạnh phúc mà mình hằng khao khát.